

Bản án số: 263/2023/HS-ST

Ngày: 22/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Thu

Ông Phạm Văn Tuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 272/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T (các tên giả mà T đã từng sử dụng: Thái Văn H, Nguyễn Văn H1, Lê Quốc H2, Lê Thái H3, Trần Văn H4, Nguyễn Ngọc H5, Nguyễn Hiền H6); Giới tính: Nam; Sinh năm 1961, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: không nơi đăng ký thường trú; Nơi cư trú: không nơi đăng ký tạm trú; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Quang S (chết) và bà Phạm Thị E (chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 06/7/2022, T bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 92/2022/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/02/2023.

Nhân thân:

- Ngày 02/12/1976, bị Công an Quận 1 bắt lập DCB số: 000002840 về hành vi Cướp giết hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân. Lúc này T lấy tên là Thái Văn H, sinh năm 1963, địa chỉ đường Đ, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh sổ lưu trữ năm 1976 hiện không còn hồ sơ.

- Ngày 07/4/1978, bị Công an Quận 1 bắt lập DCB số: 0000059998 về hành vi Cướp giết hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân. Lúc này T lấy tên

là Thái Văn H, sinh năm 1963, địa chỉ đường Đ, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh sổ lưu trữ năm 1978 hiện không còn hồ sơ.

- Ngày 17/10/1981, bị Công an Quận 1 bắt lập DCB số: 000000748 về hành vi Cướp giết hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân. Lúc này T lấy tên là Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964, địa chỉ đường Đ1, Phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh sổ lưu trữ năm 1981 hiện không còn hồ sơ.

- Ngày 19/3/1982, bị Công an Quận 1 bắt lập DCB số: 000001566 về hành vi Cướp giết hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân. Lúc đó, T lấy tên là Thái Văn H, sinh năm 1965, địa chỉ đường Đ1, Phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh sổ lưu trữ năm 1982 hiện không còn hồ sơ.

- Ngày 11/02/1984, bị Công an quận 1 bắt lập DCB số: 000004356 về hành vi Trộm cắp tài sản của công dân. Lúc đó, T lấy tên là Lê Quốc H2, sinh năm 1967, địa chỉ đường Đ1, Phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh sổ lưu trữ năm 1984 hiện không còn hồ sơ.

- Ngày 18/01/1986, bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 13/HSST, T lấy tên là Lê Thái H3. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/6/1990.

- Ngày 11/6/1990, bị Công an Quận 1 bắt lập DCB số: 000009806 và cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản của công dân. Lúc này T lấy tên là Trần Văn H4, sinh năm 1974, địa chỉ đường K, Phường U, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Được tha ngày 19/6/1990.

- Ngày 26/6/1990, bị Công an Quận 1 bắt lập DCB số: 000009873 về hành vi Trộm cắp tài sản của công dân, cưỡng bức lao động 12 tháng. Lúc này T lấy tên là Nguyễn Ngọc H5, sinh năm 1963, địa chỉ đường L, Phường U1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 29/4/1991, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, 01 năm tù giam về tội “Đưa hối lộ” theo Bản án số 192/HSST, T lấy tên là Nguyễn Ngọc H5. Chấp hành án tại trại giam Xuyên Mộc đến ngày 17/10/1995 thì chấp hành xong.

- Ngày 15/5/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 110/HS-ST, T lấy tên là Nguyễn Ngọc H5. Chấp hành án tại trại giam Đồng Tháp đến ngày 25/8/1998 thì chấp hành xong.

- Ngày 06/4/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân” theo Bản án số 575/HSST, T lấy tên là Nguyễn Ngọc H5. Chấp hành án tại trại giam Đồng Tháp đến ngày 30/4/2002 thì chấp hành xong.

- Ngày 16/7/2003, bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 72/HSST, T lấy tên là Nguyễn Ngọc H5. Chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc đến ngày 14/12/2008 thì chấp hành xong.

- Ngày 25/01/2019, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, T lấy tên là Nguyễn Ngọc H5. Chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy Bồ Lá đến ngày 23/11/2020 chấp hành xong.

Bị bắt từ ngày 25/6/2023 (có mặt).

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm: 1997; Địa chỉ: đường D, ấp A1, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1970; Địa chỉ: đường Đ6, Phường O6, Quận O5, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/6/2023, Nguyễn Quang T đi bộ đến trước Siêu thị Satra địa chỉ Ấp A2, xã B, huyện B1 thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 94B1-405.22 của chị Nguyễn Thị Mỹ T1 không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe của chị Tựa để bán lấy tiền tiêu xài. T lén lút tiến đến vị T để xe rồi dắt bộ xe này đi về cất giấu tại nhà không số thuộc Ấp Z, xã B, huyện B1. Tại đây, T tháo biển số xe 94B1-405.22 ra khỏi xe cất giấu và lấy biển số 59H1-788.83 có sẵn trong nhà gắn lên xe vừa trộm được. Đến sáng ngày 22/6/2023, T dẫn bộ xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision gắn biển số 59H1-788.83 đến gần khu vực cầu Nguyễn Văn C thì gặp V (không rõ lai lịch) là bạn quen biết ngoài xã hội. T nói với V xe mới trộm cắp có được đang tìm nơi tiêu thụ và nhờ V giúp đỡ. Thấy vậy, V điều khiển xe máy (không rõ biển số) đẩy xe của T đến địa chỉ đường Z2, phường Z3, Quận Z4 gặp Thái Thành T2 để bán xe. Khi đến nơi, T đứng đợi ở ngoài, còn V vào nhà đề nghị bán xe cho T2 với giá 3.000.000 đồng nhưng T2 không mua. Lúc này, V gửi xe của T tại nhà của T2 rồi đi ra ngoài đưa cho T 3.000.000 đồng và nói với T đây là tiền bán xe có được, sau đó V chở T về nhà. Đến ngày 25/6/2023, T tiếp tục quay lại khu vực trước Siêu thị Satra định trộm cắp tài sản tiếp thì bị anh Trần Minh F là nhân viên bảo vệ siêu thị nhận dạng T giống với người đã trộm xe vào ngày 21/6/2023 nên bắt giữ T và trình báo Công an xã Bình Hưng lập hồ sơ ban đầu, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để điều tra, xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 1968/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 94B1-405.22 là 20.075.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 255/CT-VKS ngày 16/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Quang T thừa nhận hành vi phạm tội, tự nhận thấy hành vi của mình là trái quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, phần dân sự, vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc kV nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định: Vào khoảng 21 giờ 30 phút 21/6/2023, tại trước Siêu thị Satra địa chỉ đường A2, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Quang T có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 94B1-405.22 trị giá 20.075.000 đồng của chị Nguyễn Thị Mỹ T1.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với Thái Thành T2 nhận giữ xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision gắn biển số 59H1-788.83 do V gửi tại nhà của T2 nhưng T2 không biết nguồn gốc xe trên là tài sản do Nguyễn Quang T trộm cắp mà có nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với Thái Thành T2.

Đối với đối tượng V chưa xác định được nhân thân, lai lịch của V nên tiếp tục xác minh truy xét, khi có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 06/7/2022, T bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 92/2022/HSST chưa xóa án tích. Đến ngày 21/6/2023 Nguyễn Quang T lại có hành vi phạm tội nên phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quang T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 USB chứa video ghi nhận hình ảnh vụ trộm cắp tài sản: Là chứng cứ trong vụ án nên tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

- 01 (một) xe mô tô loại Honda Vision có số khung 5815JY026187, số máy JF66E1101013 và biển số xe 94B1-405.22, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ T1.

- 01 biển số xe 59H1-788.83: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã bàn giao biển số xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 xử lý.

- 01 quần Jean nam màu xanh, 01 áo thun nam màu đen, 01 áo khoác nam màu xám đen: Không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

[6] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Mỹ T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng bị cáo là người cao tuổi và xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Quang T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố Nguyễn Quang T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T: 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2023.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình năm 2015,

+ Tịch thu tiêu hủy 01 quần Jean nam màu xanh, 01 áo thun nam màu đen, 01 áo khoác nam màu xám đen.

(Theo Biên bản giao, nhận tang tài vật ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

+ Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 01 USB chứa video ghi nhận hình ảnh vụ trộm cắp tài sản.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Quang T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (ngày) kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Chánh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Dũng